

STT	CHỈ TIÊU	NỘI DUNG
1	Phạm vi áp dụng	<p>1. Bảng giá này áp dụng cho việc tính giá lưu kho hàng quốc tế và chuyển tải có sử dụng dịch vụ lưu kho hàng hoá của ALSC. Các dịch vụ của ALSC là các dịch vụ thuộc dịch vụ vận chuyển hàng không, các phát sinh trong phạm vi dịch vụ của ALSC cung cấp đều tuân thủ theo các quy định về bồi thường và mức bồi thường không vượt quá mức bồi thường quy định cho hãng vận chuyển được quy định tại điều 8 Hợp đồng phục vụ mặt đất tiêu chuẩn IATA theo AHM 810 phiên bản 2008 hoặc phiên bản mới nhất</p>
2	Đơn vị áp dụng trong quá trình tính giá	<p>2.1. Giờ : Làm tròn theo 01 giờ kể cả khi thời gian lưu kho chưa đủ 60 phút</p> <p>2.2. Block 24 giờ: Làm tròn theo 24 giờ kể cả khi thời gian lưu kho chưa đủ 24 giờ</p> <p>2.3. Ngày: Làm tròn theo 01 ngày kể cả khi thời gian lưu kho chưa đủ một ngày</p> <p>2.4. KVĐ: Vận đơn hàng không chính (MAWB), Vận đơn hàng không thứ cấp (HAWB) hoặc chứng từ hàng bưu điện (CN38 hoặc chứng từ bưu điện khác tương đương)</p> <p>2.5. KVĐ /lần : Số lần mà lô hàng trên một KVĐ làm thủ tục vào kho; trường hợp lô hàng bao gồm nhiều chủng loại hàng hoá yêu cầu nhiều loại hình lưu kho tương ứng, mỗi loại hình lưu kho được coi là 1 lần vào kho.</p>
3	Cơ sở tính giá	<p>3.1. Giá lưu kho hàng hoá tính trên cơ sở trọng lượng thật của lô hàng (gross weight) trên từng KVĐ</p> <p>3.2. Trường hợp lô hàng trên một KVĐ bao gồm cả loại hình lưu kho thông thường và lưu kho đặc biệt, giá lưu kho được tính gộp trên cơ sở trọng lượng thật của từng loại hình lưu kho tại các mốc thời gian lưu kho tương ứng.</p> <p>3.3. Trường hợp lô hàng về trên nhiều chuyến bay (đối với hàng nhập), hoặc được xuất đi trên nhiều chuyến bay theo quyết định của hãng (đối với hàng xuất) tiền lưu kho được tính theo nguyên tắc cộng dồn tiền lưu kho các phần của lô hàng, áp dụng miễn trừ theo đúng nguyên tắc cho từng phần của lô hàng.</p> <p>3.4. Loại hình lưu kho sẽ áp dụng theo nguyên tắc sau:</p>

		<p>- Theo quy định về phục vụ hàng hoá của IATA và hướng dẫn của hãng vận chuyển</p>
		<p>- Theo quy định của công ty phục vụ</p>
		<p>- Theo yêu cầu của khách và điều kiện thực tế phát sinh dịch vụ</p>
4	Đối tượng thanh toán	<p>4.1. Trường hợp hàng xuất : Thời gian miễn trừ và giá áp dụng theo bảng giá cho loại hàng cụ thể theo các đối tượng dưới đây: - Người gửi hàng: Trả tiền giá lưu kho cho các lô hàng xuất từ khi tiếp nhận hàng đến thời điểm chuyến bay được giữ chỗ dự định cất cánh - Hãng vận chuyển: Trả tiền giá lưu kho cho các lô hàng từ ngày chuyến bay được đặt chỗ dự định cất cánh đến ngày chuyến bay thực sự cất cánh mà không có thời gian miễn trừ.</p>
		<p>4.2. Trường hợp hàng nhập: Thời gian miễn trừ và giá áp dụng cho từng loại hàng cụ thể: - Người nhận hàng: Trả tiền lưu kho các lô hàng nhập từ khi chuyến bay hạ cánh đến thời điểm lô hàng được lấy ra khỏi kho. - Hãng vận chuyển: Trả tiền lưu kho cho các lô hàng lạc tuyến, các lô hàng bị từ chối nhận, các lô hàng thuộc trách nhiệm của hãng vận chuyển kể từ khi máy bay hạ cánh cho đến khi hàng đủ thủ tục và được đưa ra khỏi kho hàng nhập ALSC mà không có thời gian miễn trừ.</p>
		<p>4.3. Trường hợp hàng transit/ chuyển tiếp: Hãng vận chuyển trả tiền lưu kho nếu phát sinh trừ trường hợp có thỏa thuận khác</p>
		<p>4.4. Một số trường hợp khác: Theo thỏa thuận với người yêu cầu dịch vụ</p>
5	Thời gian tính phí lưu kho (Áp dụng cho cả việc gửi nhận hàng tại các Kho hàng không kéo dài)	<p>5.1. Hàng xuất : Từ khi chấp nhận hàng đến khi hàng được đi trên chuyến bay thật sự cất cánh, loại bỏ khoảng thời gian được miễn trừ theo quy định vào đúng giai đoạn lưu kho tương ứng.</p>
		<p>5.2. Hàng nhập: Từ khi chuyến bay hạ cánh đến khi hàng giao cho người nhận, loại bỏ khoảng thời gian được miễn trừ theo quy định vào đúng giai đoạn lưu kho tương ứng.</p>
		<p>5.3. Hàng transit/chuyển tiếp: Bằng thời gian lưu kho hàng nhập từ khi chuyến bay hạ cánh đến khi hàng ra khỏi kho hàng nhập ALSC, và thời gian lưu kho hàng xuất từ khi hàng vào kho hàng xuất ALSC đến khi hàng đi trên chuyến bay tiếp theo.</p>

6	Tính bổ sung phí lưu kho sau khi làm thủ tục mà chưa nhận hàng.	6. Đối với hàng nhập, thời gian lưu kho được tính bổ sung nếu thời điểm khách đề nghị trả hàng vượt quá 60 phút kể từ khi làm thủ tục nhận hàng. Khách hàng phải thanh toán bổ sung nếu tiền lưu kho tại thời điểm này vượt quá số tiền lưu kho khách hàng đã thanh toán khi làm thủ tục nhận hàng.
7	Thời gian miễn trừ	7.1. Xác định theo quy định của từng loại lưu kho cụ thể trên nguyên tắc không tính thêm miễn trừ trong trường hợp các loại thời gian miễn trừ trùng nhau.
		7.2. Áp dụng một lần miễn trừ đối với loại dịch vụ tương ứng kể từ khi máy bay hạ cánh (đối với hàng nhập) hoặc trước ngày chuyển bay giữ chỗ cất cánh (đối với hàng xuất).
8	Thuế và lệ phí	8. Các mức giá chưa bao gồm thuế và lệ phí theo quy định hiện hành của nhà nước.
9	Các vấn đề khác	9.1. Nếu đối tượng thanh toán có yêu cầu, giá lưu kho sẽ thu trên cơ sở hợp đồng ký kết giữa các bên liên quan
		9.2. Các trường hợp có lưu kho có yêu cầu đặc biệt khác không nằm trong quy định này sẽ căn cứ vào chính sách của công ty tại thời điểm áp dụng